Ngày soạn 03/4/2024	Dạy	Ngày	25/4	23&25/4
		Tiết	1,2	2,3
		Lớp	9C	9D

Tuần 32- Tiết 156, 157

TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU: Qua tiết học này, học sinh cần nắm được

1.Kiến thức

- Nắm vững kiến thức về các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành đã được học từ lớp 6 đến lớp 9.
- Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã được học.
- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.
- Học sinh tự thực hiện tìm hiểu Biên bản, Hợp đồng, Luyện tập viết hợp đồng

2. Năng lực:

- Năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.: Vạn dụng ngôn ngữ để tìm hiểu nội dung bài học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ:

1.GV: Chuẩn bị bảng tổng kết

- Các phương pháp, kĩ thuật dạy học: vấn đáp, giải thích, động não, các mảnh ghép

2. HS: soạn bài

III. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC

Tiết 156

Hoạt động 1: Khởi động

- Phương pháp: Nêu vấn đề
- Thời gian: 5 phút

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT
1. Chuyển giao - Nhắc lại các kiểu văn bản TLV đã học trong CT từ lớp 6 đến lớp 9 *2. Thực hiện* - Yêu cầu HS hđ cá nhân nhắc lại kiến thức - Định hướng giúp đỡ HS *3. Báo cáo* - Lắng nghe Hs trình bày *4. Đánh giá* - GV nhận xét việc nắm KT của HS - GV chiếu bảng hệ thống lên máy chiếu - Giáo viên dẫn vào bài mới.	- học sinh nhắc lại kiến thức đã học - Nhận xét, bổ sung - Lắng nghe.	Học sinh hứng thú, tích cực đón bài học

Hoạt động 2: Ôn tập, hệ thống hoá kiến thức về các văn bản đã học

*** Hoạt động 2.1:** Hệ thống hoá các kiểu văn bản

- Thời gian: phút
- Phương pháp: vấn đáp, hđ theo nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
I. HD HS hệ thống hoá KT *1/ Chuyển giao* - Quan sát bảng tổng kết, phân biệt sự khác nhau của các kiểu văn bản trên? + Nhóm 1: So sánh tự sự khác miêu tả + Nhóm 2: Thuyết minh khác tự sự và miêu tả + Nhóm 3: Nghị luận khác điều hành + Nhóm 4: Biểu cảm khác thuyết minh *2/ Thực hiện* - Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm và báo cáo - GV tư vấn, hướng dẫn HS làm việc *3/ Báo cáo,* - Lắng nghe, theo dõi HS trình bày *4/ Đánh giá* GV nhận xét hđ của HS GV chốt lại sự khác nhau giữa các kiểu VB. ? Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau được không? Vì sao? ? Các PTBĐ trên có thể được phối hợp với nhau trong 1 văn bản không? Cho ví dụ minh hoạ? II. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự khác nhau giữa thể loại và kiểu văn bản *1/ Chuyển giao* - So sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa thể loại và kiểu văn bản. *2/ Thực hiện* - Yêu cầu HS hđ theo nhóm bàn - Gợi ý, tư vấn, định hướng cho học sinh *3/ Báo cáo* - Lắng nghe phần trình bày của HS *4/ Đánh giá* - GV nhận xét hđ của HS GV chốt sự giống và khác nhau. 1. Giống: đều là kể lại sự việc Khác: Kiểu văn tự sự: xét về phương thức biểu đạt chính Thể loại tự sự: đa dạng , phong phú(truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch…) Có tính nghệ thuật trong các tác phẩm tự sự 2. Giống: chứa đựng những cảm xúc, tình cảm chủ đạo Khác nhau: Văn biểu cảm: bày tỏ cảm xúc về một đối tương(văn xuôi). III. Mối quan hệ giữa văn, tiếng việt với tập làm văn	- Độc lập học sinh hệ thống lại các kiểu văn bản đã học - HS thảo luận nhóm theo yêu cầu - Đại diện các nhóm trình bày - Nhận xét, bổ sung - Lắng nghe GV nhận xét - HS hđ cá nhân trả lời câu hỏi - HS thảo luận nhóm để chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau giữa thể loại và kiểu văn bản. - Đại diện các nhóm trình bày - Nhận xét, bổ sung - Lắng nghe GV nhận xét, ghi bài	**I. Hệ thống hoá các kiểu văn bản** 1. Các kiểu văn bản - Tự sự - Miêu tả - Biểu cảm - Thuyết minh - Nghị luận - Hành chính 2. Sự khác các kiểu văn bản **II. Sự khác nhau giữa thể loại văn học với kiểu văn bản** 1.Văn bản tự sự với thể loại văn tự sự * Giống nhau: * Khác nhau 2. Thể loại văn trữ tình và kiểu văn biểu cảm **III. Mối quan hệ giữa văn, tiếng việt với tập làm văn**

1. Chuyển giao Yêu cầu HS hđ nhóm thảo luận tìm hiểu mối quan hệ giữa các phân môn và các PTBĐ: + Mối quan hệ giữa Văn bản với TLV, dẫn chứng + Mối quan hệ giữa TV- TLV, phần Văn, nêu dẫn chứng + Các phương thức: miêu tả, tự sự nghị luận, biểu cảm, thuyết minh có ý nghĩa như thế nào trong việc rèn kĩ năng làm văn. */ Thực hiện* - Yêu cầu HS hđ theo nhóm bàn - Gợi ý, tư vấn, định hướng cho học sinh *3/ Báo cáo* - Lắng nghe phần trình bày của HS *4/ Đánh giá* - GV nhận xét hđ của HS GV chốt KT. **Chốt hết tiết 156** <u>IV. Ba kiểu văn bản trong tâm</u> *1. Chuyển giao* Yêu cầu HS hđ nhóm thảo luận tìm hiểu ba kiểu VB trọng tâm: TM, TS, NL. - Mục đích - Các yếu tố tạo thành - Khả năng kết hợp *2/ Thực hiện* - Yêu cầu HS hđ theo nhóm bàn - Gợi ý, tư vấn, định hướng cho học sinh *3/ Báo cáo* - Lắng nghe phần trình bày của HS *4/ Đánh giá* - GV nhận xét hđ của HS GV chốt KT và chiếu bảng tổng kết	- HS thảo luận nhóm để chỉ ra mối quan hệ giữa các phân môn và các PTBĐ - Đại diện các nhóm trình bày - Nhận xét, bổ sung - Lắng nghe GV nhận xét, ghi bài **Tiết 157** - HS nhận nhiệm vụ - Suy nghĩ trả lời - Đại diện các nhóm trình bày - Nhận xét, bổ sung - Lắng nghe GV nhận xét, ghi bài	**IV. Ba kiểu văn bản trong tâm**

Kiểu VB / Đặc điểm	Văn bản thuyết minh	Văn bản tự sự	VB nghị luận
Mục đích	Phơi bày nội dung sâu kín bên trong hoặc đặc trưng của đối tượng	Trình bày sự việc	Trình bày quan điểm, tư tưởng
Các yếu tố tạo thành	Đặc điểm khả quan của đối tượng	- Nhân vật, sự việc	Lí lẽ, dẫn chứng, lập luận
Khả năng kết hợp	Phương pháp thuyết minh: giải thích	- Giới thiệu, trình bày diễn biến sự việc theo trình tự	- PP chứng minh, giải thích

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
* Hướng dẫn HS lập dàn bài		

1. Chuyển giao - Yêu cầu HS nêu dàn bài chung của các kiểu bài nghị luận: - NL về một sự việc hiện tượng trong đời sống - nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí - nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ - nghị luận về tác phẩm truyện(đoạn trích) *2/ Thực hiện* - Yêu cầu HS hđ theo nhóm - Gợi ý, tư vấn, định hướng cho học sinh *3/ Báo cáo* - Lắng nghe phần trình bày của HS *4/ Đánh giá* - GV nhận xét hđ của HS GV chốt KT	- HS nhận nhiệm vụ - Suy nghĩ trả lời - Đại diện các nhóm trình bày - Nhận xét, bổ sung - Lắng nghe GV nhận xét	* Dàn bài chung

Hoạt động 3,4: Luyện tập vân dụng

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
1. Chuyển giao - Lập dàn ý cho đề bài: Suy nghĩa của em về đoạn thơ sau: *Bỗng nhận ra hương ổi* *Phả vào trong gió se* *Sương chùng chình qua ngõ* *Hình như thu đã về* (Sang Thu - Hữu Thỉnh) *2/ Thực hiện* - Hướng dẫn, tư vấn học sinh thực hiện hoạt động *3/ Báo cáo* - Quan sát dàn bài của học sinh *4/ Đánh giá* - GV nhận xét đánh giá - GV đưa dàn bài mẫu	- HS suy nghĩ lập dàn ý - 1 HS lên bảng lập dàn ý, HS dưới lớp làm vào vở - Trình bày, nhận xét, bổ sung - Lắng nghe GV nhận xét, bổ sung - Tham khảo dàn bài	**C. Luyện tập, vận dụng**

Hoạt đông 5: Mở rộng, tìm tòi

- Phương pháp: Nêu vấn đề
- Thời gian: 2 phút

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
1. Chuyển giao **** Khuyến khích tự thực hiện*** : Biên bản Hợp đồng. Luyện tập viết hợp đồng - Đặc điểm của biển bản, hợp đồng. - Cách viết biển bản, hợp đồng * Soạn bài: Tổng kết văn học(đọc và lập bảng hệ thống kiến thức, làm đầy đủ bài tập) *2/ Thực hiện* Yêu cầu học sinh làm BT, chuẩn bị bài mới	- Học sinh thực hiện ở nhà - Báo cáo trong tiết học sau.	**D. Mở rộng, tìm tòi**

3/ Báo cáo - Nghe HS báo cáo ở tiết học sau 4/ Đánh giá - Nhận xét ý thức học bài, chuẩn bị bài ở nhà của HS		